

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số: 241/2020/TLST-HNGĐ về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con”, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T; sinh năm 1984;
- Bị đơn: Chị Mai Thị Phương T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Hòa Bình, thành phố K, tỉnh K;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.  
Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Văn T và chị Mai Thị Phương T.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Mai Thị Phương T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao 02 con chung Lê Mai Phương H, sinh ngày 07/8/2004 và Lê Mai Phương L, sinh ngày 19/11/2006 cho chị Mai Thị Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Cấp dưỡng nuôi con*: Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/1 con), thời hạn cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 8/2020 đến khi con đủ 18 tuổi và tự lập.

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự. Kể từ ngày chị Mai Thị Phương T có đơn yêu cầu thi hành án, mà anh Lê Văn T chậm cấp dưỡng, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Lê Văn T phải nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã tạm nộp theo Biên lai thu tiền số: 0003652 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K. Anh Lê Văn T đã nộp đủ tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND Tp K;
- TAND tỉnh K.
- UBND xã Hòa Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Xuân Hoài**

